TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HSST
Ngày 16-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST- HS ngày 24 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Kim K, sinh năm 2001 tại Đồng Tháp; nơi thường trú: 53/2/11 B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tứ H và bà Nguyễn Kiều D; bị cáo có chồng là Nguyễn Hoàng Mạnh H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 2000 tại Trà Vinh; nơi thường trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Hẻm G, đường B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Võ Thị Út T; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Lê Đình T1, sinh năm 2008; nơi thường trú: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Ký túc xá Khải Hoàn, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Đặng Kim C, sinh năm 2001; nơi thường trú: số nhà C, khu phố A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Võ Khánh L, sinh năm 1996; nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

+ Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1986; nơi thường trú: Khu F, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Kim K và bị cáo Phạm Văn Đ có mối quan hệ tình cảm với nhau. Bị cáo K và bị cáo Đ là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng tháng 10-2023, bị cáo Trần Kim K thuê phòng trọ số 03 nhà trọ N của bà Trịnh Thị H2 để sinh sống. Đến tháng 12-2023 có Đặng Kim C đến ở chung. Bị cáo Phạm Văn Đ có mối quan hệ tình cảm với bị cáo K nên hay đến phòng trọ của bị cáo K để chơi, còn Võ Khánh L là bạn trai cũ của bị cáo K nên cũng hay đến phòng trọ của bị cáo K để chơi. bị cáo K, bị cáo Đ, L, C gặp nhau tại đây nên hay sử dụng ma túy cùng nhau từ tháng 02-2024.

Vào khoảng ngày 22-02-2024, bị cáo Trần Kim K sử dụng zalo tên "Ty ty Bảo Bối" nhắn tin bàn bạc với Đ qua zalo tên "Văn Đấu" mua ma túy về bán thì bị cáo Đ đồng ý. Cả hai thống nhất mua 4.500.000 đồng ma túy về để sử dụng và bán lại kiếm lời, do bị cáo K không đủ số tiền nên bị cáo K và bị cáo Đ thống nhất gom được bao nhiêu thì chuyển khoản cho bị cáo Đ còn thiếu bao nhiêu tiền bị cáo K chuyển khoản sau. Đến trưa ngày 24-2-2024, bị cáo K dùng số tài khoản ngân hàng Q của bị cáo Trần Kim K chuyển qua tài khoản ngân hàng A của bị cáo Đ với số tiền 3.800.000 đồng. Sau đó, bị cáo Đ đi rút 3.800.000 đồng tiền mặt rồi góp thêm vào 200.000 đồng, được tất cả là 4.000.000 đồng. Sau khi rút tiền bị cáo Đ đến khu vực đường B thuộc phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh gặp đối tượng B (không rõ họ tên, địa chỉ) mua 4.500.000 đồng ma túy đá. Bị cáo Đ thỏa thuận với Bé trả trước 4.000.000 đồng thiếu lại 500.000 đồng thì B đồng ý và đã bán cho bị cáo Đ 01 gói ma túy đựng trong một túi nilon. Đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, bị cáo Đ đem gói ma túy về đưa cho bị cáo Kiều cất vào hộp sắt trên bàn gần nệm nằm ngủ trong phòng trọ số 3 của bị cáo K.

Đến rạng sáng ngày 25-7-2024, bị cáo K và bị cáo Đ lấy số ma túy mua được ra sử dụng tại phòng trọ của bị cáo K. Đến khoảng khuya ngày 26-2-2024, bị cáo K và bị cáo Đ tiếp tục lấy số ma túy mua được ra sử dụng chung có Võ Khánh L ở phòng bị cáo K nên cũng vào tham gia hút ma túy với bị cáo K và bị cáo Đ. Đến khoảng 20 giờ 00 ngày 27-7-2024 sau khi bị cáo K và bị cáo Đ đi công việc với L và Đặng Kim C về phòng trọ của bị cáo K thì bị cáo Đ lấy ma túy

có sẵn ra sử dụng cùng với L, lúc này bị cáo K đi tắm ra và cũng vào sử dụng ma túy, C ở trên gác nên không biết và không tham gia sử dụng ma túy với bị cáo K, bị cáo Đ và L. Sau khi sử dụng ma túy xong thì bị cáo K đi nhậu với bạn là T2 (không rõ họ tên, địa chỉ) và Lê Đình T1. Đến khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, bị cáo K cùng T2, T1 về lại phòng trọ của bị cáo K để ngủ, tại đây bị cáo Đ tiếp tục lấy ma túy có sẵn ra sử dụng với bị cáo K thì C ở trên gác đi xuống khi được bị cáo Đ rủ nên cũng vào tham gia hút chung với bị cáo K, bị cáo Đ được 02 hơi thì lên gác, lúc này T2 đi về nhà còn T1 nằm ngủ nên không biết và không tham gia sử dụng ma túy. Khi bị cáo Đ, bị cáo K đang sử dụng ma túy thì có người nhà của một người tên T3 (không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn của bị cáo K đến hỏi tìm T3. Thấy vậy, bị cáo Đ đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào nhà vệ sinh trong phòng trọ cất dấu rồi bị cáo Kiều ra mở cửa nói chuyện với người nhà của T3. Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 28-02-2024, lực lượng Công an xã L nhận được tin báo nên đến kiểm tra hành chính. Tại thời điểm kiểm tra có bị cáo Đ, L, bị cáo K, C và T1 đang ở trong phòng trọ thì phát hiện các đối tượng vừa sử dụng ma túy nên lập biên bản bắt quả tang và tiến hành tạm giữ: 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 3,5206 gam (M1) trong hộp sắt để trên bàn xếp ở kế nệm; 01 chai nhựa có nắp đục 02 lỗ gắn ống hút nhựa với một phần ống thủy tinh (đã bị vỡ); 01 hộp quẹt gas đầu cuốn giấy bạc; 01 quẹt gas để đốt; 01 kéo kim loại; 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu bạc, số seri FK3NVHZ0G5QF, số máy MGAL2LL/A; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, số seri DX3HGOK2N735, số máy MHDA3NN/A và 01 ĐTDĐ hiệu Iphone XS MAX màu vàng, số seri GR5DM02JKPHF, số máy NT6H2LL/A tất cả của bị cáo Trần Kim K; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 PLUS màu đỏ, số seri F17X6BTHJWLK, số máy A1864 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 10s màu xanh đen, số Imei 1 864726050846265, số Imei 2 864726050846273 của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 5G màu xanh, số seri R5CT71AYP8P của L. Sau khi bắt quả tang lực lượng Công an xã L phối hợp Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B xác định hiện trường. Trong quá trình phối hợp xác định hiện trường đã phát hiện thu giữ 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng có khối lượng 0,3045 gam (M2) để trong móc khóa treo trên cầu thang phòng trọ của bị cáo K. Cơ quan điều tra Công an huyện B đã thu giữ niêm phong theo quy định.

Qua quá trình làm việc bị cáo Trần Kim K thừa nhận vì muốn có tiền để sinh sống nên từ tháng 10-2023 đến đầu tháng 02-2024, bị cáo K tìm hiểu rồi mua ma túy trên các trang mạng xã hội Facebook, rồi tìm kiếm các trang bán ma túy để trao đổi mua ma túy. Cách thức giao nhận ma túy là bị cáo K cung cấp địa chỉ, số điện thoại rồi người bán ma túy gửi ma túy đóng trong các hộp dạng quà, mỹ phẩm qua dịch vụ giao hàng như S, G... bị cáo K đã mua ma túy trên trang mạng xã hội của đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) được khoảng 10 lần, mỗi lần mua từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng. Từ đầu tháng 02-2024, bị cáo K biết bị cáo Đ có chỗ mua ma túy rẻ hơn nên bị cáo K đã đưa tiền cho bị cáo Đ mua ma túy tổng cộng 03 lần của đối tượng tên B (không rõ họ tên, địa chỉ) ở khu vực Bờ Bao T thuộc Phường S, Quận T, Tp Hồ Chí Minh lần 1 là vào khoảng ngày 09-02-2024

(đêm giao thừa 2024) với giá 1.500.000 đồng, lần 2 là vào khoảng tháng 2-2024 với giá 2.500.000 đồng. Trong 02 lần này bị cáo K nhờ bị cáo Đ mua dùm về để sử dụng chung còn việc bị cáo Kiều bán ma túy cho người khác bị cáo Đ không biết và không tham gia. Đến lần thứ 3 là vào ngày 24-2-2024 bị cáo K và bị cáo Đ cùng nhau góp tiền mua 4.500.000 đồng ma túy của đối tượng B về để sử dụng và bán lại cho người khác. Bị cáo K thừa nhận từ tháng 10-2023 đến ngày 27-2-2024 đã nhiều lần hút chung ma túy với bị cáo Đ, L và C nhưng không nhớ thời gian cụ thể.

Đối với hành vi Mua bán trái phép chất ma túy thì bị cáo K liên lạc với các con nghiện qua zalo tên T4 Bảo Bối hoặc Messenger Facebook có tên "Cold Heard" trao đổi việc mua ma túy xong phân ma túy vào đoạn ống hút để bán, giao nhận ma túy gần phòng trọ của bị cáo K ở ấp C, xã L, huyện B. Từ khoảng tháng 11-2023 đến trước ngày 24-02-2024, bị cáo K thừa nhận đã bán ma túy cho các đối tượng sau:

Bán cho Lê Đình T1 - được 01 lần trong tháng 11-2023 với giá 200.000 đồng; Zalo tên "sói bạc" được 01 lần, giá 700.000 đồng vào ngày 21/02/2024; Zalo tên "PHÁT" được 01 lần giá 200.000 đồng vào ngày 21/02/2024; Zalo tên "Bùi Phi" được 01 lần, giá 200.000 đồng vào ngày 23/02/2024; Zalo tên "Nguyễn Vũ L1" được 01 lần, giá 300.000 đồng ngày 12/02/2024; Zalo tên "Hữu Lợi" được 05-06 lần, mỗi lần giá 200.000 đồng đến 300.000 đồng từ ngày 16-02-2024 đến ngày 22-02-2024; Zalo tên "Chánh bạn sói" được 01 lần, giá 710.000 đồng vào ngày 23-02-2024; Zalo tên "Hồng Thịnh" 03 lần, mỗi lần giá 280.000 đồng đến 330.000 đồng từ vào ngày 11-02-2024 đến ngày 19-2-2024; Zalo tên "Sad" bán 01 lần, giá 300.000 đồng ngày 12-02-2024; Zalo tên "H3 bạn Đ2" bán 02 lần, giá 200.000 đồng - 300.000 đồng từ ngày 14-02-2024 đến ngày 21-02-2024; Zalo tên "Thienn nhân" bán 02 lần, giá 200.000 đồng đến 450.000 đồng từ ngày 19-02-2024 đến ngày 22-02-2024; Zalo tên "Thái T5" bán 04 lần, mỗi lần bán giá 200.000 đồng đến 360.000 đồng, từ ngày 13-02-2024 đến ngày 23-02-2024; Zalo tên "Khói" bán 01 lần giá 200.000 đồng vào khoảng tháng 2-2024 không nhớ cụ thể. Ngoài ra bị cáo K còn bán cho một hai người (không rõ họ tên, địa chỉ) được 01-02 lần với giá 200.000 đồng. Trong những lần này bị cáo K có những lần các đối tượng mua ma túy nhưng vẫn còn thiếu chưa đưa tiền cho K.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận mình là người giới thiệu chỗ B (không rõ họ tên, địa chỉ) và là người đi mua ma tuý dùm cho K 03 lần, tất cả bộ dụng cụ sử dụng ma túy là của bị cáo Đ mua, đối với cân điện tử bị cáo Đ mua vào ngày 24-2-2024 tại cửa hàng (không rõ địa chỉ) ở Thành phố Hồ Chí Minh về để bán ma túy. Mục đích mua dùm của ma túy cho bị cáo K là được hút ma túy chung với bị cáo K. Đến ngày 22-2-2024, khi được bị cáo K rủ mua chung ma tuý về bán thì bị cáo Đ đồng ý và tham gia bán ma tuý với bị cáo K. Đối với gói ma túy bị cáo Đ góp tiền mua với bị cáo K với giá 4.500.000 đồng sau đó về sử dụng với bị cáo K, L1, C. Ngoài ra bị cáo Đ cũng có phân sẵn ma túy vào 5-6 ống hút để sử dụng và bán cho người khác. Từ ngày 24-2-2024 đến ngày 27-2-2024, bị cáo

Đ và bị cáo K đã bán ma túy cho các đối tượng cụ thể sau:

Bán cho Lê Đình T1 một lần tối ngày 26-02-2024 với giá 200.000 đồng nhưng T1 mua thiếu; Zalo tên "sói bạc" được 01 lần giá 300.000 đồng vào ngày 24-02-2024; Zalo tên "Nhí Nguyễn C1" được 01 lần, giá 300.000 đồng vào ngày 26-02-2024; Zalo tên "Sữa" được 01 lần, giá 200.000 đồng vào ngày 27-02-2024; Zalo tên "PHÁT" được 01 lần, giá 200.000 đồng vào ngày 26-02-2024 nhưng chưa trả tiền; Zalo tên "Hữu Lợi" được 01 lần, giá 100.000 đồng vào ngày 27-02-2024; Zalo tên "Nguyễn Đ3" 01 lần, giá 400.000 đồng vào ngày 27-02-2024; Zalo tên "Nguyễn Đ4" được 01 lần với giá 200.000 đồng vào ngày 26-02-2024; Zalo tên "Hiếu M" được 01 lần với giá 200.000 đồng vào ngày 24-02-2024; Zalo tên "Thienn nhân" được 01 lần với giá 450.000 đồng vào ngày 26-02-2024; Zalo tên "Giang Hino" được 02 lần, giá 200.000 đồng đến 560.000 đồng từ ngày 24-02-2024 đến ngày 27-02-2024; Zalo tên "Khói" được 01 lần giá 200.000 đồng vào tối ngày 26-02-2024. Tất cả các con nghiện mua ma túy của bị cáo K là người liên lạc và trực tiếp bán, đối với đối tượng tên K1 là bị cáo Đ là người trực tiếp đi bán tại trước phòng trọ của bị cáo K. Những lần bán ma túy này bị cáo Đ chỉ bán dùm để được hút ma túy chứ không có thu lợi bất chính. Số tiền thu lợi bất chính từ các lần bán ma túy của bị cáo K là khoảng 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Ngày 28-02-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 261/QĐ, trưng cầu Phòng K2 - Công an tỉnh B giám định thành phần và trọng lượng chất tinh thể đựng trong túi nilon thu giữ trong vụ án.

Kết luận giám định số: 1140/KL-KTHS(MT) ngày 07-3-2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh B, kết luận: Các mẫu chất tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: M1= 3,5206 gam, M2= 0,3045 gam. H4 lại đối tượng giám định M1= 3,1555 gam, M2= 0,2120 gam

Cáo trạng số 85/CT–VKS-BB ngày 07 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Trần Kim K và Phạm Văn Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Kim K mức hình phạt từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 16 (mười sáu) năm đến 18 (mười tám) năm tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ mức hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai tội đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Xử lý vật chứng: Đối với 3,1555 gam (M1) và 0,2120 gam (M2) ma túy loại Methamphetamine được hoàn lại sau khi giám định, là vật chứng của vụ án và là chất mà nhà nước cấm tàng trữ mua bán, lưu hành đề nghị tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, số seri DX3HGOK2N735, số máy MHDA3NN/A và 01 ĐTDĐ hiệu Iphone XS MAX màu vàng, số seri GR5DM02JKPHF, số máy NT6H2LL/A của Trần Kim K và 01 Điện thoại di động hiệu Redmi Note 10s màu xanh đen, số Imei 1 864726050846265, số Imei 2 864726050846273 của Phạm Văn Đ, đây là phương tiện mà các bị cáo dung vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Đối với 01 bộ dụng cụ gồm chai nhựa có nắp đục hai lỗ gắn ống hút nhựa, ống thuỷ tinh đã bị vỡ; 01 bật lửa đầu cuốn giấy bạc và 01 bật lửa; 01 cân điện tử; 01 kéo kim loại là vật chứng của vụ án và không có giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy; Đối 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu bạc, số seri FK3NVHZ0G5QF, số máy MGAL2LL/A thu giữ của Trần Kim K, đây là tài sản của bị cáo K không dùng vào việc phạm tội nên để nghị trả lại cho K; Đối 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 8 PLUS màu đỏ, số seri F17X6BTHJWLK, số máy A1864 thu giữ của Phạm Văn Đ, đây là tài sản của bị cáo Đ không dùng vào việc phạm tội nên để nghị trả lại cho bị cáo Đ; Đối 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 5G màu xanh, số seri R5CT71AYP8P thu giữ của Võ Khánh L, đây là tài sản của L không dùng vào việc phạm tội nên để nghị trả lại cho L.

Đối với Võ Khánh L khai nhận có lần được K nhờ đi giao dùm ma túy nhưng L từ chối, không tham gia bán ma túy với K và cũng không biết việc K có đi bán ma túy hay không. Tuy nhiên Vào ngày 26-2-2024 và ngày 27-02-2024 L có sử dụng ma túy với Đ và K nên ngày 08-03-2024 Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính số 40 với số tiền 1.500.000 đồng đối với L.

Đối với Đặng Kim C khai nhận được K cho ở chung phòng trọ nhưng không phải trả tiền phòng. Cúc hay ở trên gác phòng trọ không tham gia và cũng không biết được việc mua bán ma túy của K. Tuy nhiên, vào ngày 27-02-2024 C có sử dụng ma túy chung với K và Đ nên ngày 08-03-2024 Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính số 39 với số tiền 1.500.000 đồng đối với C.

Đối với Lê Đình T1 đã mua ma túy của K được hai lần, một lần trong tháng 11-2023 với giá 200.000 đồng và một lần vào tối ngày 26-02-2024 với giá 200.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Hành vi sử dụng ma tuý của T1 phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày

31/12/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, thời điểm vi phạm T1 dưới 16 tuổi (sinh ngày 29/8/2008) nên không xử phạt hành chính đối với T1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Luật xử lí vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi bởi khoản 68, điều 1 Luật xử lí vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020).

Đối với bà Trịnh Thị H2 là chủ nhà trọ Ngọc H5, bà H5 không biết K và Đ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 03. Do đó hành vi của bà H5 không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các đối tượng bán ma túy cho K và Đ (không rõ họ tên, địa chỉ) và các đối tượng mua ma túy của K và Đ (không rõ họ tên, địa chỉ) hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đang làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, luận tội của Viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Trần Kim K và bị cáo Phạm Văn Đ là các đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Từ tháng 11-2023 đến ngày 27-02-2024, bị cáo K và bị cáo Đ đã mua ma túy của các đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) trên mạng xã hội Facebook và đối tượng tên B (không rõ họ tên, địa chỉ) ở khu vực Bờ Bao T thuộc phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng và bán ma túy cho các con nghiện cụ thể như sau: Từ tháng 11-2023 đến ngày 23-02-2024, bị cáo K đã bán ma túy cho Lê Đình T1 được 01 lần với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Kiều con bán cho các đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) có tên mạng xã hội Z bao gồm: “sói bạc”; “PHÁT”; “Bùi Phi”; “ Nguyễn Vũ L1”; “Hữu Lợi” ; “Chánh” ; “Hồng Thịnh”; “Sad” ; “H3 bạn Đ2”; “Thienn nhân” ; “Thái T5” ; “Khói” và 02 đối tượng “không rõ họ tên, địa chỉ” tất cả các con nghiện này bị cáo Kiều bán từ 01 đến 06 lần với giá từ 200.000 đồng – 710.000 đồng giao nhận gần phòng trọ của bị cáo K ở tổ E, ấp C, xã L,

huyện B, tỉnh Bình Dương. Trong những lần này có những lần các đối tượng mua ma túy nhưng vẫn còn thiếu chưa đưa tiền cho bị cáo K. Ngày 24-2-2024, bị cáo K rủ bị cáo Đ mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các con nghiện thì bị cáo Đ đồng ý, bị cáo Đ trực tiếp mua 3,8305 gam ma tuý loại methamphetamine để bán và cùng sử dụng. Từ ngày 24-2-2024 đến ngày 27-2-2024, bị cáo K và bị cáo Đ đã bán cho các con nghiện cụ thể sau: Bán cho Lê Đình T1 một lần tối ngày 26-02-2024 với giá 200.000 đồng nhưng T1 mua thiếu. Ngoài ra, bị cáo K và bị cáo Đ còn bán cho các đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) có tên mạng xã hội Z bao gồm: "sói bạc"; "Nhí Nguyễn C1"; "Sữa"; PHÁT"; "Hữu Lợi"; "Nguyễn Đ3"; "Nguyễn Đ4"; "Hiếu M"; "Thienn nhân"; "Giang H6"; "Khói". Tất cả các con nghiện mua ma túy của bị cáo K là người liên lạc và trực tiếp bán từ 01 - 02 lần với giá 100.000 đồng đến 560.000 đồng giao nhận ma túy gần phòng trọ của K. Đối với đối tượng tên K1, bị cáo Đ là người trực tiếp đi bán tại trước phòng trọ của bị cáo K. Những lần bán ma túy này bị cáo Đ chỉ bán dùm để được hút ma túy chứ không có thu lợi bất chính, bị cáo Đ là người phân ma tuý thành từng tép nhỏ để bị cáo K là người trực tiếp bán. Bị cáo K thu lợi bất chính từ các lần bán ma túy của bị cáo K là khoảng 5.000.000 đồng và số ma túy bị cáo K và bị cáo Đ dùng để sử dụng. Ngoài ra vào ngày 25, 26, 27-02-2024, bị cáo K và bị cáo Đ đã dùng số ma túy mua được vào ngày 24-02-2024 để tổ chức cho bị cáo K, bị cáo Đ, Võ Khánh L và Đặng Kim C sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương của bị cáo K, cụ thể như sau: bị cáo K và bị cáo Đ cùng nhau sử dụng ma túy 01 lần vào ngày 25-7-2024; bị cáo K và bị cáo Đ tổ chức cho L, bị cáo K, bị cáo Đ sử dụng ma túy 02 lần vào ngày 26-02-2024 và khoảng 20 giờ 00 ngày 27-02-2024; bị cáo K và bị cáo Đ tổ chức cho bị cáo K, bị cáo Đ, C sử dụng ma túy 01 lần vào khoảng 23 giờ 00 ngày 27-02-2024. Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại các điểm b, e khoản 2, Điều 251 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, là mầm mống phát sinh ra các tệ nạn xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép các chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vì ham muốn bản thân và lợi nhuận các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Đ không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Trần Kim K có một tình tiết tăng nặng bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thể hiện ở việc bị cáo phạm tội năm lần trở lên về cùng một tội phạm, bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy tiền thu lợi bất chính để nuôi con và tiêu xài cá nhân được quy định tại đểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân tích vai trò của các bị cáo để thấy được tính chất, mức độ của từng bị cáo. Bị cáo K là người chủ mưu rủ bị cáo Đ mua ma túy để bán và cùng sử dụng chung, bị cáo Đ đồng ý, cả hai bị cáo cùng tổ chức sử dụng trái phép ma tuý cho các con nghiện, hai bị cáo cùng là người trực tiếp đi mua ma túy, bị cáo Đ phân ma tuý thành những tép nhỏ để bị cáo K bán cho con nghiện. Các bị cáo cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với 3,3675 gam ma túy loại Methamphetamine (M1 = 3,1555 gam, M2= 0,2120 gam) là số lượng ma túy được hoàn lại sau khi giám định, xét thấy đây là vật cấm tang trữ, lưu hành đề nghị tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh, số seri DX3HGOK2N735, số máy MHDA3NN/A và 01 ĐTDĐ hiệu Iphone XS MAX màu vàng, số seri GR5DM02JKPHF, số máy NT6H2LL/A của Trần Kim K; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 10s màu xanh đen, số Imei 1 864726050846265, số Imei 2 864726050846273 của Phạm Văn Đ là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 01 bộ dụng cụ gồm chai nhựa có nắp đục hai lỗ gắn ống hút nhựa, ống thuỷ tinh đã bị vỡ; 01 bật lửa đầu cuốn giấy bạc và 01 bật lửa; 01 cân điện tử; 01 kéo kim loại là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Đối 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu bạc, số seri FK3NVHZ0G5QF, số máy MGAL2LL/A thu giữ của Trần Kim K, đây là tài sản của K không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho K; Đối 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 PLUS màu đỏ, số seri F17X6BTHJWLK, số máy A1864 thu giữ của Phạm Văn Đ đây là tài sản của Đ không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho Đ; Đối 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 5G màu xanh, số seri R5CT71AYP8P thu giữ của Võ Khánh L, đây là tài sản của L không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho L.

[9] Buộc bị cáo K nộp lại số tiền 5.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

[10] Về án phí: các bị cáo phải cu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Kim K.

Điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

Điều 46, Điều 47 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Kim K và bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Kim K 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức trái phép chất ma tuý" và 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Trần Kim K phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức trái phép chất ma tuý" và 707 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 3,3675 gam ma túy loại Methamphetamine (M1 = 3,1555 gam, M2= 0,2120 gam) được đựng trong 02 (hai) bì thư được niêm phong ghi số: 1140M1/PC09, 1140M2/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số 261/QĐ-KTMT ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Cơ quan CSĐT – Công an huyện B) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Trần Kim K, Phạm Văn Đ (người chứng kiến); Nguyễn Đức N (bên giao mẫu); Lê Văn C2 (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS – Công an tỉnh B; 01 bộ dụng cụ gồm chai nhựa có nắp đục hai lỗ gắn ống hút nhựa, ống thuỷ tinh đã bị vỡ (đã qua sử dụng); 01 bật lửa (đã qua sử dụng) đầu cuốn giấy bạc (đã qua sử dụng) và 01 bật lửa (đã qua sử dụng); 01 cân điện tử (đã qua sử dụng); 01 kéo kim loại (đã qua sử dụng).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX màu vàng và 01 Điện thoại di

động hiệu Redmi Note 10s màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu S1 A53 5G màu xanh (tất cả đã qua sử dụng) đựng trong 01 bì thư màu vàng có hình dấu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B, chữ ký và họ tên mang tên Đoàn Quyết T6, Nguyễn Phi L2 theo Biên bản đóng gói niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 19-3-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B.

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu bạc cho bị cáo Trần Kim K, trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 PLUS màu đỏ cho bị cáo Phạm Văn Đ trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 5G màu xanh cho Võ Khánh L.

(*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 08 tháng 08 năm 2024*).

Buộc bị cáo Trần Kim K phải nộp ngân sách nhà nước 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền thu lợi từ việc bán ma túy.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai